

Số: /SNN-KHTC

Cao Bằng, ngày 16 tháng 9 năm 2022

V/v hướng dẫn tạm thời thực hiện
Tiểu dự án 1, Dự án 3 Chương trình
mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế
xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu
số và miền núi giai đoạn 2021-2025

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC, ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg, ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định 75/2015/NĐ-CP, ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT, ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Công văn số 5412/BNN-TCLN, ngày 17/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc triển khai công tác bảo vệ và phát triển rừng năm 2022;

Căn cứ Kế hoạch 2015/KH-UBND, ngày 08/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Trong thời gian chờ Nghị định, Thông tư và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn tạm thời việc thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, như sau:

I. HỖ TRỢ KHOÁN BẢO VỆ RỪNG, BẢO VỆ RỪNG, KHOANH NUÔI TÁI SINH CÓ TRỒNG BỔ SUNG

1. Nội dung hỗ trợ (theo Điều 9 Thông tư số 15/2022/TT-BTC)

1.1. Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng Nhà nước giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được Nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế theo quy định hiện hành; diện tích rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý.

1.2. Hỗ trợ bảo vệ rừng đối với rừng quy hoạch là rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình.

1.3. Hỗ trợ khoan nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung.

1.4. Đối với nội dung hỗ trợ trồng rừng phòng hộ, sản xuất sẽ thực hiện hỗ trợ theo Dự án Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025 để đảm bảo không trùng lặp với các hoạt động, kinh phí đã được bố trí thực hiện của các Chương trình, dự án.

2. Đối tượng hỗ trợ (theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg):

- Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có thực hiện một trong các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng sau: Bảo vệ, khoan nuôi tái sinh rừng tự nhiên; trồng rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất quy hoạch phát triển rừng được Nhà nước giao đất; nhận khoán bảo vệ rừng.

- Cộng đồng dân cư thôn thuộc các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được giao rừng theo quy định của pháp luật đang thực hiện bảo vệ rừng được giao hoặc rừng nhận khoán.

3. Mức hỗ trợ (theo Điều 10 Thông tư số 15/2022/TT-BTC)

3.1. Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng và hỗ trợ bảo vệ rừng là 400.000 đồng/ha/năm.

3.2. Hỗ trợ khoan nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung, mức hỗ trợ theo thiết kế - dự toán, tối đa không quá 1.600.000 đồng/ha/năm trong 03 năm đầu và 600.000 đồng/ha/năm cho 03 năm tiếp theo.

3.3. Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu được tính bằng 7% trên tổng kinh phí khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng, khoan nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung và không trùng với các chương trình, dự án khác, được bố trí trong tổng kinh phí cấp cho các đơn vị, địa phương thực hiện Tiểu Dự án 1, Dự án 3.

3.4. Kinh phí lập hồ sơ khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng: 50.000 đồng/ha; kinh phí lập hồ sơ thiết kế, dự toán khoan nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung: 900.000 đồng/ha, được bố trí trong tổng kinh phí khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng, khoan nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung, cấp cho các đơn vị, địa phương thực hiện Tiểu Dự án 1, Dự án 3.

Việc hỗ trợ kinh phí lập hồ sơ khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng, khoan nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung chỉ thực hiện 01 lần trước khi tiến hành khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng, khoan nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung.

4. Quy trình, phương thức thực hiện hỗ trợ

4.1. Thiết kế, dự toán (thực hiện theo Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT)

- Bước 1: Căn cứ quyết định giao kế hoạch vốn, đơn vị được giao sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thuê tư vấn lập hồ sơ thiết kế, dự toán khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung (hoặc tự lập khi có đủ điều kiện, năng lực như tổ chức tư vấn).

- Bước 2: Hồ sơ đề nghị phê duyệt thiết kế, dự toán (thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT), thành phần gồm:

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt thiết kế, dự toán.

+ Thuyết minh thiết kế.

+ Dự toán.

+ Bản đồ thiết kế.

+ Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc kế hoạch vốn được giao đối với hoạt động sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và các tài liệu khác có liên quan.

- Bước 3: Phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh: Đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước tự phê duyệt thiết kế, dự toán theo quy định của Luật Ngân sách (thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT).

4.2. Phương thức hỗ trợ, thành phần hồ sơ

Trên cơ sở hồ sơ thiết kế được phê duyệt, đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện phương thức hỗ trợ, thành phần hồ sơ như sau:

- Khoán bảo vệ rừng: Thực hiện thông qua hợp đồng khoán bảo vệ rừng giữa Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ, UBND cấp xã với hộ gia đình, cộng đồng dân cư xóm. Thời gian hợp đồng là hàng năm hoặc 03 năm, 05 năm (phụ thuộc vào kinh phí được cấp). Hồ sơ hỗ trợ khoán bảo vệ rừng gồm: Đơn đề nghị nhận khoán bảo vệ rừng (*theo phụ biểu 01 kèm theo*); hợp đồng khoán bảo vệ rừng (*theo phụ biểu 02 kèm theo*); biên bản nghiệm thu khoán bảo vệ rừng (*theo phụ biểu 05 kèm theo*).

- Hỗ trợ bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung: Thực hiện thông qua hợp đồng bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung giữa UBND cấp xã với hộ gia đình, cộng đồng dân cư xóm. Thời gian hợp đồng là hàng năm hoặc 03 năm, 05 năm (phụ thuộc vào kinh phí được cấp). Trong đó:

+ Hồ sơ hỗ trợ bảo vệ rừng gồm: Hợp đồng bảo vệ rừng (*theo phụ biểu 03 kèm theo*); biên bản nghiệm thu bảo vệ rừng (*theo phụ biểu 05 kèm theo*).

+ Hồ sơ hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung: Hợp đồng khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung (*theo phụ biểu 04 kèm theo*); biên bản nghiệm thu khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung (*theo phụ biểu 06 kèm theo*).

Lưu ý: Đơn đề nghị nhận khoán, hợp đồng khoán bảo vệ rừng, hợp đồng bảo vệ rừng, hợp đồng khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung, bản đồ, thuyết minh thiết kế dự toán chỉ thực hiện 01 lần. Riêng biên bản nghiệm thu khoán bảo vệ rừng, biên bản nghiệm thu bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung thực hiện hàng năm trước khi giải ngân kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung.

5. Căn cứ để thanh toán kinh phí: Kết quả nghiệm thu hàng năm là căn cứ để thanh toán, quyết toán kinh phí.

- Khoán bảo vệ rừng: Hàng năm, bên giao khoán (BQL rừng đặc dụng, phòng hộ, UBND xã) có trách nhiệm nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng đối với bên nhận khoán, nội dung nghiệm thu, thời điểm nghiệm thu được tiến hành vào cuối năm kế hoạch; chỉ tiêu nghiệm thu thực hiện theo thiết kế được duyệt và hợp đồng khoán; kiểm tra thực địa toàn bộ diện tích, căn cứ bản đồ thiết kế để xác định vị trí ranh giới, tỷ lệ kết quả thực hiện (theo Điều 16 Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT, ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

- Hỗ trợ bảo vệ rừng: Hàng năm, UBND cấp xã cùng với Kiểm lâm viên địa bàn có trách nhiệm nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện bảo vệ rừng, nội dung nghiệm thu thời điểm nghiệm thu được tiến hành vào cuối năm kế hoạch; chỉ tiêu nghiệm thu thực hiện theo thiết kế được duyệt và hợp đồng bảo vệ rừng; kiểm tra thực địa toàn bộ diện tích, căn cứ bản đồ thiết kế để xác định vị trí ranh giới, tỷ lệ kết quả thực hiện (theo Điều 16 Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT, ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

- Đối với khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung: Hàng năm, UBND cấp xã cùng với Kiểm lâm viên địa bàn có trách nhiệm nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện, nội dung nghiệm thu, thời điểm nghiệm thu được tiến hành sau khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật, nghiệm thu khối lượng, chất lượng (theo Điều 14 Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT, ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

II. TRỢ CẤP GẠO

1. Đối tượng được trợ cấp (theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg): Hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung: phòng hộ, sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ.

2. Mức trợ cấp

- Mức trợ cấp 15kg gạo/khẩu/tháng hoặc bằng tiền tương ứng với giá trị 15kg gạo/khẩu/tháng tại thời điểm trợ cấp.

- Thời gian hưởng trợ cấp gạo phụ thuộc vào kinh phí được giao.

3. Điều kiện được trợ cấp gạo

- Có giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Quyết định giao đất của cấp có thẩm quyền.

- Hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung: phòng hộ, sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, được Ủy ban nhân dân cấp xã cùng với Kiểm lâm địa bàn nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện.

4. Gạo được trợ cấp

Gạo tẻ thường, độ ẩm không quá 14%; không bị sâu mọt, nấm, mốc.

5. Thực hiện trợ cấp gạo

- Căn cứ vào hồ sơ bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung rừng sản xuất, rừng phòng hộ, phát triển lâm sản ngoài gỗ được duyệt, chủ đầu tư lập danh

sách các hộ gia đình, số lượng gạo trợ cấp cho từng hộ gia đình trong xóm (*theo phụ biểu 07 gửi kèm*).

- Khi các hộ gia đình bắt đầu thực hiện tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung rừng sản xuất, rừng phòng hộ, phát triển lâm sản ngoài gỗ thì mới tiến hành trợ cấp gạo. Việc trợ cấp gạo phải có chữ ký của đại diện hộ gia đình nhận trợ cấp gạo (*theo phụ biểu 08 gửi kèm*).

- Đối với hộ gia đình vừa là đối tượng được trợ cấp gạo theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội vừa là đối tượng theo Nghị định 75/2015/NĐ-CP thì chỉ được hưởng trợ cấp gạo theo một trong hai Nghị định trên.

Trên đây là nội dung hướng dẫn tạm thời thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong quá trình thực hiện, có vấn đề phát sinh, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị gửi ý kiến hoặc phản hồi trực tiếp về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thái Hà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ NHẬN KHOẢN BẢO VỆ RỪNG

Kính gửi: UBND xã

1. Cộng đồng dân cư xóm
2. Địa chỉ:
3. Số hộ:..... trong đó số hộ nghèo:.....

4. Họ và tên người đại diện cộng đồng dân cư xóm:

Ông:chức vụ:.....

CCCD(CMND):, Ngày cấp:, Nơi cấp:.....

Sau khi nghiên cứu Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ 2021 đến năm 2025; Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ 2021 đến năm 2025. Xóm đã họp trao đổi thống nhất và thấy cộng đồng xóm chúng tôi có đủ điều kiện nhận khoản bảo vệ rừng.

Vậy đề nghị UBND xã.....giao khoản bảo vệ rừng cho cộng đồng xóm như sau:

5. Đối tượng nhận khoản (*rừng phòng hộ, đặc dụng, rừng sản xuất là rừng tự nhiên*):
6. Địa điểm đề nghị được nhận khoản (*ghi rõ lô, khoảnh, tiểu khu*):.....
7. Diện tích đề nghị nhận khoản: ha.
8. Hình thức nhận khoản: Khoản công việc, dịch vụ với mục đích bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên.
9. Cam kết:.....

ngày tháng năm 20..
Người đại diện cộng đồng xóm

Phụ biểu 02

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ
-----CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Địa danh, Ngày ... tháng ... năm ...

HỢP ĐỒNG KHOÁN BẢO VỆ RỪNG

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC, ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ 2021 đến năm 2025.

Căn cứ

Hôm nay, ngàytháng.....năm 20.... tại.....chúng tôi gồm:

I. BÊN GIAO KHOÁN (GỌI TẮT LÀ BÊN A) Là :.....(tên đơn vị)

Ông (Bà):Chức vụ:

Ông (bà)Chức vụ.....

II. BÊN NHẬN KHOÁN (GỌI TẮT LÀ BÊN B) Là:.....(tên chủ hộ, cá nhân, cộng đồng)

Đại diện là Ông (Bà)

Địa chỉ: Thônxã....., huyện. tỉnh.....

Năm sinh.....số CCCD(CMND):.....ngày..... cấp.....tại.....

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng khoán bảo vệ rừng bao gồm các điều khoản sau:

Điều 1. Bên A giao khoán cho bên B

1. Tổng diện tích giao khoán bảo vệ rừng tự nhiên là...ha, cụ thể như sau:

Địa danh			Diện tích	Trạng thái	N/ha
Tiểu khu/Xã	Khoảnh	Lô			

(Có bản đồ giao khoán kèm theo).

2. Tổng diện tích khoán bảo vệ rừng trồng là.....ha, cụ thể như sau:

Địa danh			Diện tích	Loài cây	Năm trồng	N/ha
Tiểu khu	Khoảnh	Lô				

(Có bản đồ giao khoán kèm theo).

Điều 2. Quyền hạn và trách nhiệm của bên A

1. Quyền hạn

- Kiểm tra, hướng dẫn và yêu cầu bên B sửa chữa những sai sót kỹ thuật bảo vệ rừng khi thực hiện hợp đồng; đình chỉ hoặc hủy bỏ hợp đồng nếu bên B vi phạm hợp đồng.

- Yêu cầu bên B bồi thường thiệt hại nếu bên B vi phạm hợp đồng.

2. Trách nhiệm

- Xác định rõ cho bên B biết về diện tích, loại rừng, trữ lượng, vị trí ranh giới trên bản đồ và ngoài thực địa đối với khu rừng được giao khoán bảo vệ.

- Hướng dẫn bên B tổ chức thực hiện các quy định về bảo vệ rừng theo quy chế quản lý rừng và chính sách hưởng lợi từ rừng theo các quy định hiện hành.

- Thanh toán tiền công bảo vệ rừng theo hợp đồng và biên bản nghiệm thu cho bên B.

Trong trường hợp, hợp đồng ký nhiều năm, khi Nhà nước không bố trí kinh phí bảo vệ rừng, bên A có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho bên B để chấm dứt hợp đồng.

Điều 3. Quyền lợi và nghĩa vụ của bên B

1. Quyền lợi

- Được thanh toán đầy đủ, kịp thời tiền công khoán bảo vệ rừng hàng năm sau khi nghiệm thu kết quả, mức khoán là: đ /1ha/1năm;

- Tổng giá trị thanh toán hàng năm là: ha x đ/ha =

- Bằng chữ: (.....)

- Được quyền hưởng lợi các sản phẩm từ rừng theo quy định hiện hành của pháp luật;

- Khi thời gian nhận khoán bảo vệ rừng theo hợp đồng đã ký kết chưa kết thúc, vì trường hợp bất khả kháng bên B không tiếp tục bảo vệ rừng nữa thì thông báo lại cho bên A chấm dứt hợp đồng và được thanh toán tiền trong thời gian đã thực hiện;

Được hướng dẫn, tham gia tập huấn về công tác bảo vệ rừng do bên A tổ chức.

2. Nghĩa vụ

- Chịu trách nhiệm trước bên A về vốn rừng được giao khoán, bảo toàn vốn rừng và phát triển rừng bền vững;

- Chấp hành các quy định về phòng cháy chữa cháy rừng. Khi xảy ra cháy rừng phải tổ chức cứu chữa kịp thời và thông báo ngay cho bên A và chính quyền địa phương biết để huy động lực lượng chữa cháy;

- Thực hiện đúng nội dung, quy trình quy phạm, kỹ thuật bảo vệ đã được bên A hướng dẫn;

- Phải thường xuyên tuần tra, kiểm tra ngăn chặn các hành vi gây thiệt hại đến tài nguyên rừng như chặt phá rừng, đốt than, phá rừng làm nương rẫy, lấn chiếm rừng, săn bắt động vật rừng trái phép...;

- Nếu bên B vi phạm hợp đồng sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cam kết chung

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày / ...20..... đến ngày / /20....

- Hai bên cam kết và thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết.

- Nếu vì lý do khách quan mà bên A hoặc bên B muốn bổ sung thêm, bớt hợp đồng, thì phải báo cho bên kia biết trước 1 tháng.

Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau (Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản)/.

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký tên và đóng dấu)

(1) Căn cứ pháp lý ký hợp đồng : Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Địa danh, Ngày ... tháng ... năm ...

HỢP ĐỒNG BẢO VỆ RỪNG

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC, ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ 2021 đến năm 2025.

Căn cứ.....

Hôm nay, ngàytháng.....năm 20.... tại.....chúng tôi gồm:

I. BÊN A) UBND XÃ)

Ông (Bà):Chức vụ:

Ông (bà)Chức vụ.....

II. BÊN B) :.....(chủ hộ, cá nhân, cộng đồng)

Đại diện là Ông (Bà)

Địa chỉ: Thônxã....., huyện. tỉnh.....

Năm sinh.....số CCCD(CMND):.....ngày..... cấp.....tại.....

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng bảo vệ rừng bao gồm các điều khoản sau:

Điều 1. Bên A và bên B thực hiện cam kết bảo vệ rừng

1 .Tổng diện tích cam kết bảo vệ rừng tự nhiên là...ha, cụ thể như sau:

Địa danh			Diện tích	Trạng thái	N/ha
Tiểu khu/Xã	Khoảnh	Lô			

(Có bản đồ kèm theo).

2.Tổng diện tích cam kết bảo vệ rừng trồng là.....ha, cụ thể như sau:

Địa danh			Diện tích	Loài cây	Năm trồng	N/ha
Tiểu khu	Khoảnh	Lô				

(Có bản đồ kèm theo).

Điều 2. Quyền hạn và trách nhiệm của bên A

1. Quyền hạn

- Kiểm tra, hướng dẫn và yêu cầu bên B sửa chữa những sai sót kỹ thuật bảo vệ rừng khi thực hiện hợp đồng; đình chỉ hoặc hủy bỏ hợp đồng nếu bên B vi phạm hợp đồng.

- Yêu cầu bên B bồi thường thiệt hại nếu bên B vi phạm hợp đồng.

2. Trách nhiệm

- Xác định rõ cho bên B biết về diện tích, loại rừng, vị trí ranh giới trên bản đồ đối với khu rừng được bảo vệ.

- Hướng dẫn bên B tổ chức thực hiện các quy định về bảo vệ rừng theo quy chế quản lý rừng và chính sách hưởng lợi từ rừng theo các quy định hiện hành.

- Thanh toán tiền công bảo vệ rừng theo hợp đồng và biên bản nghiệm thu.

Trong trường hợp, hợp đồng ký nhiều năm, khi Nhà nước không bố trí kinh phí bảo vệ rừng, bên A có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho bên B để chấm dứt hợp đồng.

Điều 3. Quyền lợi và nghĩa vụ của bên B

1. Quyền lợi

- Được thanh toán đầy đủ, kịp thời tiền công hỗ trợ bảo vệ rừng hàng năm sau khi nghiệm thu kết quả, mức hỗ trợ là: đ /1ha/1năm;

- Tổng giá trị thanh toán hàng năm là: ha x đ/ha =

- Bằng chữ: (.....)

- Được quyền hưởng lợi các sản phẩm từ rừng theo quy định hiện hành của pháp luật;

- Khi thời gian cam kết bảo vệ rừng theo hợp đồng đã ký kết chưa kết thúc, vì trường hợp bất khả kháng bên B không tiếp tục bảo vệ rừng nữa thì thông báo lại cho bên A chấm dứt hợp đồng và được thanh toán tiền trong thời gian đã thực hiện;

Được hướng dẫn, tham gia tập huấn về công tác bảo vệ rừng do bên A tổ chức.

2. Nghĩa vụ

- Chấp hành các quy định về phòng cháy chữa cháy rừng. Khi xảy ra cháy rừng phải tổ chức cứu chữa kịp thời và thông báo ngay cho bên A và chính quyền địa phương biết để huy động lực lượng chữa cháy;

- Thực hiện đúng nội dung, quy trình quy phạm, kỹ thuật bảo vệ đã được bên A hướng dẫn;

- Phải thường xuyên tuần tra, kiểm tra ngăn chặn các hành vi gây thiệt hại đến tài nguyên rừng như chặt phá rừng, đốt than, phá rừng làm nương rẫy, lấn chiếm rừng, săn bắt động vật rừng trái phép...;

- Nếu bên B vi phạm hợp đồng sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cam kết chung

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20....

- Hai bên cam kết và thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết.

- Nếu vì lý do khách quan mà bên A hoặc bên B muốn bổ sung thêm, bớt hợp đồng, thì phải báo cho bên kia biết trước 1 tháng.

Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau (Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản)/.

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN A

UBND XÃ.....

(Ký tên và đóng dấu)

(1) Căn cứ pháp lý ký hợp đồng : Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng.

Phụ biểu 04

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Địa danh, Ngày ... tháng ... năm ...

HỢP ĐỒNG**Khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung**

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC, ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ 2021 đến năm 2025.

Căn cứ.....

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 20..... tạichúng tôi gồm:

I. BÊN A) UBND XÃ

Ông (Bà):Chức vụ:

Ông (bà)Chức vụ.....

II. BÊN NHẬN (GỌI TẮT LÀ BÊN B) Là:..... (tên tổ chức, chủ hộ, cá nhân, cộng đồng)

Đại diện là Ông (Bà)

Địa chỉ: Thônxã....., huyện. tỉnh.....

Năm sinh.....số CCCD(CMND):.....ngày..... cấp.....tại.....

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung bao gồm các điều khoản sau:

Điều 1. Bên A giao cho bên B

Tổng diện tích khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung là: ha, cụ thể như sau:

Địa danh			Diện tích (ha)	Loài cây tái sinh ưu thế	Mật độ cây tái sinh	H(trung bình cây tái sinh)	Mật độ trồng bổ sung	Loài cây trồng bổ sung
Tiểu khu	Khoảnh	Lô						

Điều 2. Quyền hạn và trách nhiệm của bên A**1. Quyền hạn**

- Kiểm tra, hướng dẫn và yêu cầu bên B sửa chữa những sai sót kỹ thuật khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung khi thực hiện hợp đồng; đình chỉ hoặc hủy bỏ hợp đồng nếu bên B vi phạm hợp đồng;

- Yêu cầu bên B bồi thường thiệt hại nếu bên B vi phạm hợp đồng.

2. Trách nhiệm

- Xác định rõ cho bên B biết về diện tích, vị trí ranh giới trên bản đồ và ngoài thực địa, loài cây trồng bổ sung ;

- Hướng dẫn bên B tổ chức thực hiện các quy định về khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung theo theo Điều 5 Thông tư 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 quy định về các biện pháp lâm sinh.

- Thanh toán tiền công khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung theo hợp đồng và biên bản nghiệm thu cho bên B;

- Trong trường hợp, hợp đồng ký nhiều năm khi nhà nước không bố trí kinh phí khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung, bên A có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho bên B để chấm dứt hợp đồng.

Điều 3. Quyền lợi và nghĩa vụ của bên B

1. Quyền lợi

- Được hỗ trợ cây giống để trồng rừng bổ sung và thanh toán đầy đủ, kịp thời tiền công khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung hàng năm sau khi có kết quả nghiệm thu

- Tổng giá trị thanh toán là: ha x đ/ha =

Bằng chữ: (.....)

Trong đó:

Năm thứ nhất: Được hỗ trợ cây giống và tiền công.....

Năm thứ 2:.....

Năm thứ 3:.....

Năm thứ 4:.....

Năm thứ 5:

Năm thứ 6:

- Được quyền hưởng lợi các sản phẩm từ rừng theo quy định hiện hành của pháp luật;

- Khi thời gian nhận khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung theo hợp đồng đã ký kết chưa kết thúc, vì trường hợp bất khả kháng bên B không tiếp tục khoanh nuôi tái sinh nữa thì thông báo lại cho bên A chấm dứt hợp đồng và được thanh toán tiền công trong thời gian đã thực hiện;

Được hướng dẫn, tham gia tập huấn về công tác khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung do bên A tổ chức.

2. Nghĩa vụ

- Chấp hành các quy định về phòng cháy chữa cháy rừng. Khi xảy ra cháy rừng phải tổ chức cứu chữa kịp thời và thông báo ngay cho bên A và chính quyền địa phương biết để huy động lực lượng chữa cháy;

- Thực hiện đúng nội dung, quy trình quy phạm, kỹ thuật bảo vệ đã được bên A hướng dẫn;

- Phải thường xuyên tuần tra, kiểm tra ngăn chặn các hành vi gây thiệt hại đến rừng như bảo vệ cây mới trồng bổ sung, phá rừng làm nương rẫy, lấn chiếm rừng;

- Nếu bên B vi phạm hợp đồng sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cam kết chung

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày / / 20..... đến ngày / / 20.....

- Hai bên cam kết và thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết;

- Nếu vì lý do khách quan mà bên A hoặc bên B muốn bổ sung thêm, bớt hợp đồng, thì phải báo cho bên kia biết trước 1 tháng;

Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau (Bên A giữ 2 bản, Bên B giữ 1 bản)/.

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký tên và đóng dấu)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

Khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng

1. Tên dự án, công trình: (khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng)

2. Địa điểm (tên lô, khoảnh, tiểu khu).....

3. Thành phần nghiệm thu:

- Đại diện chủ đầu tư (bên A):

+ Ông/bà:

+

- Đại diện bên B:

+ Ông/bà:

+

+ Đại diện bên liên quan khác (nếu có)

+ Ông/bà:

+

4. Thời gian nghiệm thu:

5. Đánh giá các nội dung đã thực hiện

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu

- Hợp đồng, bản đồ kèm theo

b) Về chất lượng (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn qui phạm kỹ thuật, tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật chuyên môn và yêu cầu kỹ thuật có liên quan đến đối tượng nghiệm thu)

- Đánh giá chất lượng:

c) Về khối lượng thực hiện

- Diện tích theo hợp đồng ha.
- Diện tích thực hiệnha, so với hợp đồng đạt%.
- Diện tích rừng bị mất do tàn phá, cháy, xâm lấn

6. Bảng đánh giá các chỉ tiêu nghiệm thu

STT	Số hiệu lô hoặc số hiệu ô tiêu chuẩn đo đếm	Tên chỉ tiêu nghiệm thu		Biện pháp xử lý
		Đúng thiết kế	Không đúng thiết kế	
	Tiểu khu			
	Khoảnh			
	Lô			
	Ô tiêu chuẩn số 1			
	Ô tiêu chuẩn số 2			
			

7. Kết luận và kiến nghị

- Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu.....
- các sai sót tồn tại và các khuyết điểm cần sửa chữa
- Các nội dung khác (nếu có)

Đại diện bên A

Đại diện bên B

Bên liên quan khác (nếu có)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN NGHIỆM THU**Khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung**

1. Tên dự án, công trình: Khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung

2. Địa điểm (tên lô, khoảnh, tiểu khu).....

3. Thành phần nghiệm thu:

- Đại diện chủ đầu tư (bên A):

+ Ông/bà:

+

- Đại diện bên B:

+ Ông/bà:

+

+ Đại diện bên liên quan khác (nếu có)

+ Ông/bà:

+

4. Thời gian nghiệm thu:.....

5. Đánh giá các nội dung đã thực hiện

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu

- Hồ sơ thiết kế, dự toán được phê duyệt

- Hợp đồng

b) Về chất lượng (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn qui phạm kỹ thuật, tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật chuyên môn và yêu cầu kỹ thuật có liên quan đến đối tượng nghiệm thu)

- Đánh giá chất lượng (tỷ lệ cây sống):

- Loài cây trồng:.....

c) Về khối lượng thực hiện

- Diện tích theo hợp đồng ha.

- Diện tích thực hiệnha, so với hợp đồng đạt%.

6. Bảng đánh giá các chỉ tiêu nghiệm thu

STT	Số hiệu lô hoặc số hiệu ô tiêu chuẩn đo đếm	Tên chỉ tiêu nghiệm thu		Biện pháp xử lý
		Đúng thiết kế	Không đúng thiết kế	
	Tiểu khu			
	Khoảnh			
	Lô			
	Loài cây trồng			
	Tỷ lệ cây sống			
			

7. Kết luận và kiến nghị

- Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu.....

- các sai sót tồn tại và các khuyết điểm cần sửa chữa

- Các nội dung khác (nếu có)

Đại diện bên A

Đại diện bên B

Bên liên quan khác (nếu có)

Huyện.....
Xã.....

**TỔNG HỢP NHU CẦU TRỢ CẤP GẠO CHO CÁC HỘ NGHÈO
THAM GIA BẢO VỆ RỪNG; KHOANH NUÔI TÁI SINH VÀ PHÁT TRIỂN LÂM SẢN NGOÀI GỖ**

T T	Tên xã	Khu vực	Tổng nhu cầu trợ cấp gạo (kg/năm)	Phát triển LSNG					Bảo vệ rừng				Khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung			
				Diện tích (ha)		Số hộ nghèo tham gia (hộ)	Tổng nhân khẩu của các hộ nghèo (người)	Nhu cầu trợ cấp gạo (kg)	Diện tích (ha)	Số hộ nghèo tham gia (hộ)	Tổng nhân khẩu của các hộ nghèo (người)	Nhu cầu trợ cấp gạo (kg)	Diện tích (ha)	Số hộ ngh èo tha m gia (hộ)	Tổng nhân khẩu của các hộ nghèo (ngườ i)	Nhu cầu trợ cấp gạo (kg)
				Tổng	Phát triển LSNG											
A	B	(1)	(2)=(8)+ (12)+(16) +(20)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (6)*1 5*12	(8)	(9)	(10)	(11)= (10)* 15*1 2	(12)	(13)	(14)	(15)= (14)* 15*1 2
	Tổng															
I	Huyện ...															
	Xã...															
	Tên hộ gia đình															
	...															

Ngày..... Tháng..... năm 20

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Huyện.....

Xã.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH XÓM NHẬN TRỢ CẤP GẠO

Tháng..... năm.....

TT	Tên chủ hộ gia đình	Dân tộc	Số khẩu	Diện tích rừng và đất lâm nghiệp hiện có					Diện tích đã được bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung (ha)			Số lượng gạo trợ cấp (kg)	Ký nhận hoặc Điểm chỉ
				Địa danh	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	DT (ha)	Bảo vệ rừng	Khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung	Phát triển LSNG		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng												

....., ngày tháng năm

CHỦ ĐẦU TƯ
(họ tên, chữ ký)